

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 1, năm học 2026-2027

Mã lớp thời khóa biểu: 26S3A1

Ngành: Kỹ thuật cơ điện tử (Khóa 52)

Đơn vị: Trường Bách khoa

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ: 07/09/2026 (Tuần 1)

| Thứ                           | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                           | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học     | Phòng học | Địa điểm        | Trực tuyến | Tuần học<br>123456789012345 |
|-------------------------------|----------------|---------|----------------------------------------|--------------|------------|--------------|-----------|-----------------|------------|-----------------------------|
| <b>Thời khóa biểu học tập</b> |                |         |                                        |              |            |              |           |                 |            |                             |
| 2                             | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 2                             | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 2                             | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |
| 2                             | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |
| 2                             | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 2                             | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 2                             | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |
| 2                             | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |
| 3                             | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 3                             | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 3                             | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |
| 3                             | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |
| 3                             | TN048          | B01     | Vật lý đại cương                       | 001250       | Chi        | 123-----     | 101/KH    | Nhà học KHTN    |            | 12 789012                   |
| 3                             | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 3                             | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 3                             | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |
| 3                             | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |
| 4                             | KL010E         | B01     | Pháp luật đại cương và quyền con người | 003156       | Phụng      | 123-----     | TT12LK    | Trực tuyến      | X          | 12 78901                    |
| 4                             | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 4                             | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 4                             | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |

## THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Mã lớp thời khóa biểu: 26S3A1

Trang 2

| Thứ | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                           | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học     | Phòng học | Địa điểm          | Trực tuyến | Tuần học<br>123456789012345 |
|-----|----------------|---------|----------------------------------------|--------------|------------|--------------|-----------|-------------------|------------|-----------------------------|
| 4   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 4   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | -----678---- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 4   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | -----678---- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 4   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | -----678---- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |
| 4   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | -----678---- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 4   | TN048          | B01     | Vật lý đại cương                       | 001250       | Chi        | -----678---- | 101/KH    | Nhà học KHTN      |            | 12 789012                   |
| 4   | SHCVHT         | B13     | Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp           | 002375       | Hiếu       | -----9----   | 302/XH    | Nhà học Khoa XHNV |            | 4 8                         |
| 5   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 5   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 5   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |
| 5   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 5   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 5   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 5   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |
| 5   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 6   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 6   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 6   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |
| 6   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 6   | KL010E         | B01     | Pháp luật đại cương và quyền con người | 003156       | Phụng      | ---45-----   | TT08LK    | Trực tuyến        | X          | 12 78901                    |
| 6   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 6   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 6   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |
| 6   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)   |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 6                           |
| 7   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 3                           |
| 7   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)   |              |            | 1234-----    | HTL/K2    | Hội trường lớn    |            | 4                           |
| 7   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)   |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)   |            | 5                           |

## THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Mã lớp thời khóa biểu: 26S3A1

Trang 3

| Thứ | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học     | Phòng học | Địa điểm        | Trực tuyến | Tuần học<br>123456789012345 |
|-----|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------------|--------------|-----------|-----------------|------------|-----------------------------|
| 7   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |
| 7   | QP010E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 3                           |
| 7   | QP011E         | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789--- | HTL/K2    | Hội trường lớn  |            | 4                           |
| 7   | QP012          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 5                           |
| 7   | QP013          | B01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 6                           |

### \* Lưu ý:

- Sinh viên khóa mới (K52) bắt đầu học từ ngày 07/09/2026 (tuần thứ 01 của học kỳ).
- Mỗi ký tự của dãy 123456789012345... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.  
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
- Tiết học 1, 2, 3, 4, 5 buổi sáng và tiết 6, 7, 8, 9 buổi chiều, chi tiết xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/bang-phan-bo-thoi-gian-tiet-hoc>
- Ký hiệu nhà học, phòng học xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc>
- Cột "Trực tuyến" được đánh dấu "X" đối với lớp học phần được giảng dạy hình thức trực tuyến. GV sẽ thông tin đến SV trước khi bắt đầu tiết học.